**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- CN 11**

| **STT** | **Chủ đề** | Nội dung | Mức độ kiểm tra, đánh giá | **Năng lực môn học** | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận thức CN** | | | **Giao tiếp CN** | | | **Sử dụng CN** | | | **Đánh giá CN** | | | **Phần**  **I** | **Phần II** |
| **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | |
| ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | **Ý hỏi** | **Ý hỏi** |
| **1** | **Giới thiệu chung về chăn nuôi** | **Bài 2.** Vật nuôi và phương thức chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các nhóm vật nuôi theo nguồn gốc.  - Nêu được đặc điểm của các phương thức chăn nuôi.  **Thông hiểu:**  Phân tích được điểm của chăn nuôi thông minh, chăn nuôi bền vững. | [a3.1]  Câu 1  [a3.1]  Câu 2 | [a3.2]  Câu 13 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Công nghệ giống vật nuôi.** | **Bài 3.** Khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được vật nuôi chuyên dụng, vật nuôi kiêm dụng. | [a3.1]  Câu 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 4.** Chọn giống vật nuôi. | **Nhận biết:**  Nêu được các tiêu chí cơ bản để chọn lọc giống vật nuôi.  **Thông hiểu:**  Phân tích được các nhận định đúng sai khi nói về các phương pháp chọn lọc giống vật nuôi. | [a3.1]  Câu 4 | Câu 2  (TN Đ/S) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Bài 5.** Nhân giống vật nuôi. | **Vận dụng**  Xác định được phương pháp nhân giống vật nuôi dựa vào hình vẽ. |  |  |  |  |  | [b3.3]  Câu 1 TL |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Bài 6.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi. | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm công nghệ cấy truyền phôi, thụ tinh trong ống nghiệm.  - Nêu được các bước của quy trình thụ tinh trong ống nghiệm, xác định giới tính của phôi. | [a3.1]  Câu 5  [a3.1]  Câu 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Công nghệ thức ăn chăn nuôi** | **Bài 7.** Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi. | **Nhận biết:**  Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.  - Nhận biết được các thành phần dinh dưỡng trong thức ăn.  **-** Nêu được khái niệm tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi  **Vận dụng:**  Xác định được tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho một đối tượng vật nuôi. | [a3.1]  Câu 7  [a3.1]  Câu 8  [a3.1]  Câu 9 |  |  |  |  | [b3.3]  Câu 2 TL |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Bài 8. Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi** | **Nhận biết:**  - Nêu được các bước của quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp cho vật nuôi.  - Nêu được các phương pháp chế biến thức ăn | [a3.1]  Câu 10  [a3.1]  Câu 11 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 9. Bảo quản thức ăn chăn nuôi.** | **Thông hiểu:**  - Phân tích được vai trò của một số hợp chất sinh học trong bảo quản thức ăn.  - Phân tích được một số quy trình bảo quản thức ăn. |  | [a3.2]  Câu 14  [a3.2]  Câu 15 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Phòng, trị bệnh cho vật nuôi.** | **Bài 11. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi** | **Vận dụng cao:**  Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |  |  |  |  | [C3.3]  Câu 3 TL |  |  |  |  |  |
|  |  | **Bài 12. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị** | **Nhận biết**  Nhận biết được tác nhân của một số bênh phổ biến ở lợn | [a3.1]  Câu 12 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Bài 13. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng trị.** | **Thông hiểu**  Phân tích được các nhận định đúng, sai khi nói về bệnh ở gia cầm. |  | [a 3.2]  Câu 1  (Đ/S) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | **TỔNG** | **12** | **5** |  |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN  -------------------- *(Đề thi có 02 trang)* | KIỂM TRA CUỐI KÌ I. NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11. *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | Mã đề 801 |

TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).

Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về đặc điểm của chăn nuôi bền vững?

1. Vật nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không bị ngược đãi.

2. Người chăn nuôi có lợi nhuận, môi trường được bảo vệ.

3. Cung cấp cho người tiêu dùng nguồn thực phẩm chất lượng cao, an toàn, giá cả hợp lí.

4. Luôn đặt lợi ích của người chăn nuôi lên hàng đầu.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 3 | C. 4 | D. 2 |

Câu 2: Giống vật nuôi kiêm dụng là gì?

A. Giống chỉ khai thác theo một hướng nhất định.

B. Giống mang lại hiệu quả kinh tế.

C. Giống có thể đảm nhận nhiều công việc nặng.

D. Giống được khai thác theo nhiều hướng khác nhau.

Câu 3: Chọn giống gia cầm dựa trên đặc điểm của mào, tích, chân, màu sắc lông… thuộc tiêu chí chọn lọc nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sinh trưởng, phát dục. | B. Khả năng sản xuất. |
| C. Ngoại hình. | D. Thể chất. |

Câu 4: Tham gia vào cấu trúc xương, cấu trúc một số protein chức năng để xúc tác và điều hòa các phản ứng sinh hóa trong cơ thể vật nuôi,… là vai trò của nhóm thức ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. giàu protein . | B. giàu năng lượng. | C. giàu khoáng. | D. giàu vitamin. |

Câu 5: Bệnh dịch tả lợn cổ điển do tác nhân nào gây ra?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Động vật nguyên sinh. | B. Virus. |
| C. Nấm. | D. Vi khuẩn. |

Câu 6: Công nghệ cấy truyền phôi là

A. quá trình đưa phôi tạo ra từ cơ thể cái này vào tử cung của cơ thể cái khác để cho nó mang thai.

B. quá trình đưa trứng từ cơ thể cái này vào cơ thể cái khác rồi thụ tinh để phát triển thành phôi.

C. quá trình nuôi cấy trứng đã được thụ tinh phát triển thành phôi.

D. phương pháp mà trứng và tinh trùng được đưa ra khỏi cơ thể, nuôi cấy và thụ tinh bên ngoài cơ thể.

Câu 7: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng bột cho vật nuôi gồm mấy bước cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 3 | C. 6 | D. 4 |

Câu 8: Quy trình thụ tinh trong ống nghiệm ở vật nuôi gồm mấy bước cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 6 | C. 5 | D. 3 |

Câu 9: Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc nhóm phương pháp vật lí?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cắt ngắn. | B. Sử dụng vi sinh vật. |
| C. Xử lí kiềm. | D. Đường hóa. |

Câu 10: Nguyên tố khoáng nào sau đây thuộc nhóm khoáng đa lượng có trong thức ăn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Zn | B. Mn | C. Cu | D. Ca |

Câu 11: Cho các bước của quy trình bảo quản rơm bằng kiềm hóa và làm khô:

1. Phơi, sấy rơm. 2. Ngâm rơm khô với nước vôi (1%).

3. Lựa chọn rơm khô, đánh giá chất lượng. 4. Đánh giá chất lượng, bảo quản và sử dụng.

5. Rửa rơm cho sạch nước vôi.

Trật tự nào sau đây đúng với quy trình tiến hành?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 → 2 → 5 → 1 → 4. | B. 1 → 2 → 5 → 3 → 4. |
| C. 3 → 2 → 5 → 4 → 1. | D. 1 → 2 → 5 → 4 → 3. |

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò của một số loại enzyme (cellulase, hemicellulase…) trong bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Làm tăng hàm lượng dinh dưỡng trong thức ăn.

B. Phân giải các chất hữu cơ trong cây thức ăn.

C. Ức chế sự sinh trưởng và phát triển của một số vi khuẩn, nấm gây hại.

D. Làm giảm lượng nước có trong thức ăn.

Câu 13: Quá trình chăn nuôi có sự kết hợp giữa chăn nuôi công nghiệp và chăn thả tự do là đặc điểm của phương thức chăn nuôi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. công nghiệp. | B. hoang dã. | C. tự do. | D. bán công nghiệp. |

Câu 14: Vật nuôi bản địa là gì?

A. Vật nuôi được chăn nuôi ở địa phương.

B. Vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

C. Vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở địa phương.

D. Vật nuôi được lai tạo giữa vật nuôi địa phương và vật nuôi nhập từ nước ngoài.

Câu 15: Lượng các chất dinh dưỡng cần cung cấp cho vật nuôi để duy trì sự sống và tạo sản phẩm được gọi là

|  |  |
| --- | --- |
| A. tiêu chuẩn ăn. | B. nhu cầu dinh dưỡng. |
| C. thành phần dinh dưỡng. | D. khẩu phần ăn. |

Phần II: Trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Khi nói về bệnh cúm gia cầm, mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Bệnh do vi khuẩn gây ra.

b. Có những biểu hiện bệnh lí ở hệ thống tiêu hóa, hô hấp, thần kinh và sinh sản.

c. Là bệnh truyền nhiễm mạn tính ở gia cầm và chim hoang dã.

d. Sử dụng kháng sinh để điều trị.

Câu 2: Khi nói về quá trình chọn giống vật nuôi bằng phương pháp chọn lọc hàng loạt, mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Quy trình tiến hành gồm 4 bước cơ bản.

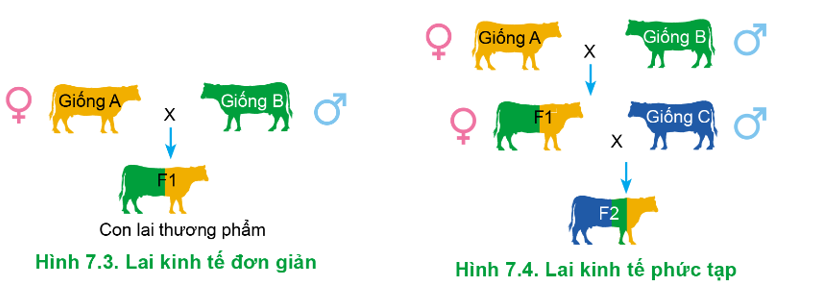
b. Dựa vào ngoại hình, khả năng sản xuất để chọn lọc.

c. Dễ tiến hành, không đòi hỏi kĩ thuật cao.

d. Hiệu quả chọn lọc cao.

TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).

Câu 1: (1 điểm) Quan sát các hình dưới đây và xác định phương pháp nhân giống vật nuôi được thể hiện trong hình 1 và hình 2.

Hình 1 Hình 2

Câu 2: (1 điểm) Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt giai đoạn 60 - 90 kg như sau: 7 000 Kcal; 224 g protein; 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 16 g calcium; 2,8 kg rau xanh; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn; 54 g bột vỏ sò. Từ những thông tin đã cho, em hãy xác định tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn thịt ở giai đoạn 60 - 90 kg.

Câu 3: (1 điểm) Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

- Hết -

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN  -------------------- *(Đề thi có 02 trang)* | KIỂM TRA CUỐI KÌ I. NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11. *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | Mã đề 802 |

TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).

Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Giống vật nuôi chuyên dụng là gì ?

A. Giống được khai thác theo nhiều hướng khác nhau.

B. Giống chỉ khai thác theo một hướng nhất định.

C. Giống có thể đảm nhận nhiều công việc nặng.

D. Giống mang lại hiệu quả kinh tế.

Câu 2: Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dạng viên cho vật nuôi gồm mấy bước cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 3 | C. 4 | D. 6 |

Câu 3: Bệnh tụ huyết trùng lợn do tác nhân nào gây ra?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vi khuẩn. | B. Nấm. |
| C. Virus. | D. Động vật nguyên sinh. |

Câu 4: Phương pháp chế biến thức ăn nào sau đây thuộc nhóm phương pháp hóa học?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cắt ngắn. | B. Xử lí kiềm. |
| C. Nghiền nhỏ. | D. Sử dụng vi sinh vật. |

Câu 5: Quá trình chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn, theo một quy trình khép kín là đặc điểm của phương thức chăn nuôi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. tự do. | B. công nghiệp. | C. bán công nghiệp. | D. hoang dã. |

Câu 6: Quy trình xác định giới tính ở vật nuôi gồm mấy bước cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 6 | C. 5 | D. 3 |

Câu 7: Thụ tinh trong ống nghiệm là

A. quá trình nuôi cấy trứng đã được thụ tinh phát triển thành phôi.

B. quá trình đưa trứng từ cơ thể cái này vào cơ thể cái khác rồi thụ tinh để phát triển thành phôi.

C. quá trình đưa phôi tạo ra từ cơ thể cái này vào tử cung của cơ thể cái khác để cho nó mang thai.

D. phương pháp mà trứng và tinh trùng được đưa ra khỏi cơ thể, nuôi cấy và thụ tinh bên ngoài cơ thể.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò của một số hợp chất sinh học có hoạt tính kháng khuẩn cao (bacteriocin, nisin, …) trong bảo quản thức ăn chăn nuôi?

A. Làm tăng hàm lượng dinh dưỡng trong thức ăn.

B. Phân giải các chất hữu cơ trong cây thức ăn.

C. Làm giảm lượng nước có trong thức ăn.

D. Ức chế sự sinh trưởng và phát triển của một số vi khuẩn, nấm gây hại.

Câu 9: Điều hòa quá trình trao đổi chất, tăng cường sức đề kháng của cơ thể,… là vai trò của nhóm thức ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. giàu năng lượng. | B. giàu vitamin. | C. giàu khoáng. | D. giàu protein . |

Câu 10: Cho các bước của quy trình bảo quản thức ăn bằng kho silo:

1. Thiết lập mô hình lên men, lên men. 2. Thu hoạch nguyên liệu thô (cỏ, cây họ Đậu).

3. Đánh giá chất lượng sản phẩm và sử dụng. 4. Đưa vào kho silo (ủ chua và bảo quản).

5. Phơi héo, cắt ngắn, làm giàu dinh dưỡng.

Trật tự nào sau đây đúng với quy trình tiến hành?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2 → 5 → 4 → 3 → 1. | B. 2 → 5 → 1 → 4 → 3. |
| C. 2 → 5 → 1 → 3 → 4. | D. 2 → 5 → 4 → 1 → 3. |

Câu 11: Có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về chăn nuôi thông minh?

1. Áp dụng đồng bộ các công nghệ thông minh.

2. Sản phẩm chăn nuôi an toàn, giá cả hợp lí.

3. Liên kết chuỗi chăn nuôi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”.

4. Nâng cao sản lượng và hiệu quả chăn nuôi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 2 | C. 1 | D. 3 |

Câu 12: Mức ăn cần cung cấp cho vật nuôi trong một ngày đêm để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho vật nuôi duy trì các hoạt động sống và tạo sản phẩm được gọi là

|  |  |
| --- | --- |
| A. nhu cầu dinh dưỡng. | B. thành phần dinh dưỡng. |
| C. khẩu phần ăn. | D. tiêu chuẩn ăn. |

Câu 13: Nguyên tố khoáng nào sau đây thuộc nhóm khoáng vi lượng có trong thức ăn?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Na | B. Mg | C. Ca | D. Zn |

Câu 14: Vật nuôi ngoại nhập là gì?

A. Vật nuôi được hình thành và chăn nuôi ở địa phương.

B. Vật nuôi được lai tạo giữa vật nuôi địa phương và vật nuôi nhập từ nước ngoài.

C. Vật nuôi được chăn nuôi ở địa phương.

D. Vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài được du nhập vào Việt Nam.

Câu 15: Chọn giống gia cầm dựa trên khả năng cho trứng thuộc tiêu chí chọn lọc nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sinh trưởng, phát dục. | B. Thể chất. |
| C. Khả năng sản xuất. | D. Ngoại hình. |

Phần II: Trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1: Khi nói về bệnh Newcastle (còn được gọi là bệnh gà rù), mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Bệnh do vi khuẩn gây ra.

b. Là bệnh truyền nhiễm cấp tính ở gia cầm.

c. Bệnh gây viêm, xuất huyết các cơ quan đường tiêu hóa và hô hấp.

d. Sử dụng thuốc kháng sinh để điều trị.

Câu 2: Khi nói về quá trình chọn giống vật nuôi bằng phương pháp chọn lọc cá thể, mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi làm giống trong thời gian ngắn.

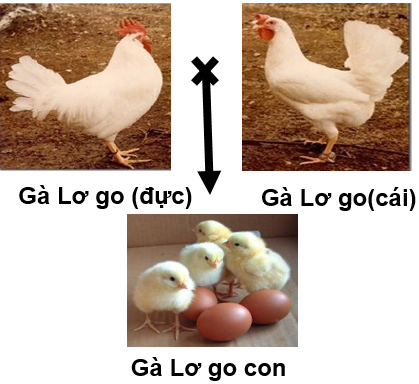
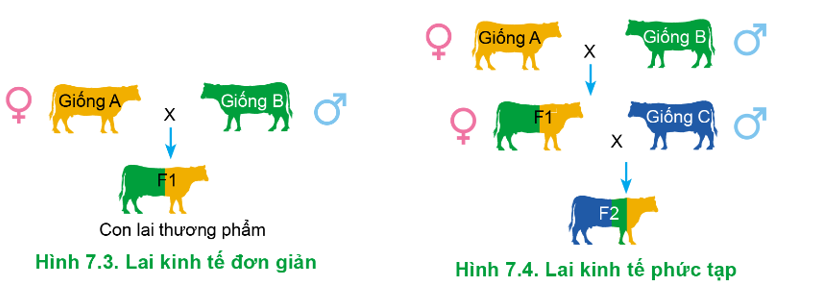
b. Quy trình tiến hành gồm 3 bước cơ bản.

c. Hiệu quả chọn lọc cao.

d. Đòi hỏi cơ sở vật chất và yêu cầu kĩ thuật cao.

TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).

Câu 1: (1 điểm) Quan sát các hình dưới đây và xác định phương pháp nhân giống vật nuôi được thể hiện trong hình 1 và hình 2.

Gà Leghorn con

Gà Leghorn (cái)

Gà Leghorn (đực)

Hình 1 Hình 2

Câu 2: (1 điểm) Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn nái ở giai đoạn hậu bị (khối lượng 66 - 80 kg) như sau: 7 000 Kcal; 308 g protein; 1,5 kg cám loại 2; 0,2 kg khô dầu lạc; 16 g calcium; 5 kg rau lang; 11 g phosphorus; 0,45 kg ngô; 11 g muối ăn; 0,1 kg bột cá. Từ những thông tin đã cho, em hãy xác định tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn nái ở giai đoạn hậu bị.

Câu 3: (1 điểm) Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

- Hết -

ĐÁP ÁN CÔNG NGHỆ 11

MÃ ĐỀ 801, 803, 805, 807.

TRẮC NGHIỆM: 7 điểm

Phần I: TN nhiều lựa chọn. (5 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề\câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 801 | B | D | C | C | B | A | D | A | A | D | A | B | D | C | B |
| 803 | A | D | C | D | A | A | D | D | A | D | D | A | C | A | D |
| 805 | D | C | C | B | D | C | D | C | A | A | C | B | A | D | B |
| 807 | D | C | A | B | D | A | A | A | D | C | B | C | D | C | D |

Phần II: TN ĐÚNG/SAI. ( 2 điểm)

Mã đề 801, 805.

Câu 1: a. S b. Đ c. S d. S

Câu 2: a. S b. Đ c. Đ d. S

Mã đề 803, 807.

Câu 1: a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 2: a. S b. Đ c. S d. S

Trả lời đúng 1 ý: 0,1 điểm, 2 ý: 0,25 điểm, 3 ý: 0,5 điểm, 4 ý: 1 điểm.

TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

Hình 1: Lai kinh tế đơn giản (0,5 điểm)

Hình 2: Nhân giống thuần chủng (0,5 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Khẩu phần ăn: 7 000 Kcal; 224 g protein;16 g calcium; 13 g phosphorus; 40 g muối ăn. (0,5 điểm)

Tiêu chuẩn ăn: 1,7 kg gạo; 0,3 kg khô lạc; 2,8 kg rau xanh; 54 g bột vỏ sò. (0,5 điểm)

Câu 3: (1 điểm)

- Vệ sinh thường xuyên khu vực sinh hoạt của vật nuôi.

- Xây dựng chế độ ăn uống khoa học cho vật nuôi.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại bệnh.

- Dọn vệ sinh định kì, đảm bảo chuồng nuôi và dụng cụ chăn nuôi cần được làm sạch hằng ngày, tiêu độc khử trùng nước trước và sau mỗi lứa nuôi hoặc khi có dịch bệnh.

Mỗi ý đúng 0,25 điểm.

5

MÃ ĐỀ 802, 804, 806, 808.

TRẮC NGHIỆM: 7 điểm

Phần I: TN nhiều lựa chọn. (5 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề\câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 802 | B | D | A | B | B | C | D | D | B | B | A | D | D | D | C |
| 804 | C | B | B | B | C | D | B | C | D | D | B | A | D | C | B |
| 806 | D | C | B | D | B | B | C | D | D | D | B | A | D | B | C |
| 808 | D | C | D | C | C | B | D | C | B | D | D | C | B | B | B |

Phần II: TN ĐÚNG/SAI. ( 2 điểm)

Mã đề 802, 806.

Câu 1: a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 2: a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Mã đề 804, 808.

Câu 1: a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 2: a. S b. Đ c. Đ d. S

Trả lời đúng 1 ý: 0,1 điểm, 2 ý: 0,25 điểm, 3 ý: 0,5 điểm, 4 ý: 1 điểm.

TỰ LUẬN: 3 điểm

Câu 1: (1 điểm)

Hình 1: Nhân giống thuần chủng ( 0,5 điểm)

Hình 2: Lai kinh tế phức tạp (0,5 điểm)

Câu 2: (1 điểm) Cho các thông tin về tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn nái ở giai đoạn hậu bị (khối lượng 66 - 80 kg) như sau: 7 000 Kcal; 308 g protein; 1,5 kg cám loại 2; 0,2 kg khô dầu lạc; 16 g calcium; 5 kg rau lang; 11 g phosphorus; 0,45 kg ngô; 11 g muối ăn; 0,1 kg bột cá. Từ những thông tin đã cho, em hãy xác định tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn của mỗi lợn nái ở giai đoạn hậu bị.

Khẩu phần ăn: 7 000 Kcal; 308 g protein; 16 g calcium; 11 g phosphorus; 11 g muối ăn.

Tiêu chuẩn ăn: 1,5 kg cám loại 2; 0,2 kg khô dầu lạc; 5 kg rau lang; 0,45 kg ngô; 0,1 kg bột cá.

Câu 3: (1 điểm)

- Vệ sinh thường xuyên khu vực sinh hoạt của vật nuôi.

- Xây dựng chế độ ăn uống khoa học cho vật nuôi.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại bệnh.

- Dọn vệ sinh định kì, đảm bảo chuồng nuôi và dụng cụ chăn nuôi cần được làm sạch hằng ngày, tiêu độc khử trùng nước trước và sau mỗi lứa nuôi hoặc khi có dịch bệnh.

Mỗi ý đúng 0,25 điểm.